

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN NGŨ HÀNH SƠN
TP. ĐÀ NẴNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 03/2025/HSST

Ngày: 07-01-2025

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN NGŨ HÀNH SƠN TP. ĐÀ NẴNG

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông **Trần Công Hoan**
- *Các Hội thẩm nhân dân:* Ông **Mai Văn Ba**; Ông **Huỳnh Bá Tiến**
- *Thư ký phiên tòa:* Ông **Nguyễn Xuân Hoàng**— Thư ký Tòa án nhân dân quận Ngũ Hành Sơn, TP. Đà Nẵng.
- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Ngũ Hành Sơn, TP. Đà Nẵng tham gia phiên tòa:* Bà **Đặng Thị Tâm** - Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 01 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Ngũ Hành Sơn, TP ., xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 138/2024/HSST ngày 29 tháng 11 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 138/2024/QĐXXST-HS ngày 16 tháng 12 năm 2024, đối với các bị cáo:

1. VŨ ĐỨC C - Sinh ngày: 03/12/1985, tại tỉnh Nam Định; nơi ĐKKHKT: số B đường G, phường T, TP ., tỉnh Nam Định; nơi ở: phòng 201, căn hộ D, đường A, P.M, quận N, TP.Đà Nẵng; nghề nghiệp: Không; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Vũ Đình L và bà Vũ Thị Kim O; bị cáo có vợ là Nguyễn Thị Minh T và có 02 con (con lớn sinh năm 2009, con nhỏ sinh năm 2015); tiền án, tiền sự: Không; bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam ngày 17/6/2024 – Có mặt tại phiên tòa.

2. NGUYỄN ĐẮC C1 – Sinh ngày: 12/11/2000, tại tỉnh Quảng Nam; nơi ĐKKHKT: Thôn T, xã T, TP ., tỉnh Quảng Nam; nơi ở: K đường N, phường P, quận S, TP.Đà Nẵng; nghề nghiệp: Không; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Đắc H và bà Nguyễn Thị P; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam ngày 17/6/2024 – Có mặt tại phiên tòa.

3. NGÔ QUANG A— Sinh ngày: 25/6/2000, tại tỉnh Gia Lai; nơi ĐKKHKT: Thôn Q, xã I, huyện K, tỉnh Gia Lai; nơi ở : K đường V, phường K, quận N, TP.Đà Nẵng; nghề nghiệp: Không; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Ngô Quang U và bà Nguyễn Thị T1; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam ngày 17/6/2024 – Có mặt tại phiên tòa.

4. NGUYỄN THỊ MINH T – Sinh ngày: 15/6/1989, tại tỉnh Nam Định; nơi ĐKKHKT: Số B đường G, phường T, TP ., tỉnh Nam Định; nơi ở : phòng 201, căn hộ D, đường A, phường M, quận N, TP.Đà Nẵng; Nghề nghiệp: Không; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Quang T2 và bà Trần Lan H1; bị cáo có chồng là Vũ Đức C và có 02 con (con lớn sinh năm 2009, con nhỏ sinh năm 2015); tiền án, tiền sự: Không; bị cáo hiện đang tại ngoại – Có mặt tại phiên tòa.

*** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

1. Ông **Trần Quốc L1** - SN: 2000; trú tại: tổ D, T.Đ, X.H, TP .
2. Ông **Trần Viết S** - SN: 1994; trú tại: tổ E, P . H, Q . T, TP.Đà Nẵng.
3. Ông **Đặng Ngọc S1** - SN: 1991; trú tại: số C đường H, P . H, Q . C, TP.Đà Nẵng.
4. Ông **Huỳnh Đức H2** - SN: 2000; trú tại: tổ 40, P.Hòa Hiệp Nam, Q.Liên Chiểu, TP.Đà Nẵng
5. Ông **Trần Võ Minh T3** - SN: 2005; trú tại: số 435 đường Hà Huy Tập, P.An Khê, Q.Thanh Khê, TP.Đà Nẵng
6. Bà **Trần Mỹ U** - SN: 2003; trú tại: tổ 13, P.Thanh Khê Tây, Q.Thanh Khê, TP.Đà Nẵng
7. Ông **Võ Văn H3** - SN: 1994; trú tại: tổ 67, P.Hòa Khánh Nam, Q.Liên Chiểu, TP.Đà Nẵng
8. Bà **Phan Thị Mỹ H4** - SN: 1997; trú tại: số 138 đường Nguyễn Thị Thập, P.Thanh Khê Tây, Q.Thanh Khê, TP.Đà Nẵng
9. Bà **Nguyễn Thị Diễm T4** - SN: 1996; trú tại: số E đường L, P . A, Q . S, TP.Đà Nẵng.
10. Ông **Nguyễn Dư C2** - SN: 1997; trú tại: kiệt C đường H, P.Hòa Cường N, Q.H, TP.Đà Nẵng.
11. Ông **Nguyễn Tuấn A** - SN: 1991; trú tại: kiệt D đường H, P . B, Q.H, TP.Đà Nẵng.
12. Ông **Nguyễn Đăng N** - SN: 2001; trú tại: tổ A, P . H, Q.T, TP.Đà Nẵng
13. Ông **Nguyễn Ngọc Q** - SN: 1999; trú tại: số C đường B T, P.H, Q . C, TP.Đà Nẵng.
14. Bà **Trần Mỹ D** - SN: 1995; trú tại: K đường H, P . T, Q . H, TP.Đà Nẵng
15. Bà **Lê Thị Thúy K** - SN: 1978; trú tại: tổ 50, P.Mân Thái, Q.Sơn Trà, TP.Đà Nẵng
16. Ông **Nguyễn Ngọc Đ** - SN: 1983; trú tại: số 105 đường Lê Ngân, P.Khuê Trung, Q.Cẩm Lệ, TP.Đà Nẵng

17. Ông **Trần Quốc T5** - SN: 2000; trú tại: số I đường H, P.Hòa Cường N, Q.H, TP.Đà Nẵng

18. Ông **Sử Hoài G** - SN: 2000; trú tại: số C đường C, P . H, Q . C, TP.Đà Nẵng

19. Ông **Lê Thành T6** - SN: 1995; trú tại: tổ A, P . H, Q . C, TP.Đà Nẵng

20. Bà **Nguyễn Thị Thanh T7** - SN: 2005; trú tại: K đường T, P . H, Q . L, TP.Đà Nẵng

21. Ông **Nguyễn Xuân P1** - SN: 1993; trú tại: số 72 đường Bàu Làng, P.Thanh Khê Đông, Q.Hải Châu, TP.Đà Nẵng

22. Ông **Trần Đình P2** - SN: 1998; trú tại: phòng B, chung cư K, đường N, P . K, Q . C, TP.Đà Nẵng

23. Ông **Mai Văn C3** - SN: 2004; trú tại: K260/8 đường Dương Đình Nghệ, P.An Hải Bắc, Q.Sơn Trà, TP.Đà Nẵng

24. Ông **Đặng K1** - SN: 1997; trú tại: K đường N, P . A, Q . T, TP.Đà Nẵng

25. Ông **Nguyễn Minh H5** - SN: 1990; trú tại: số A đường V, P . H, Q.N, TP.Đà Nẵng

26. Ông **Lê Văn D1** - SN: 1988; trú tại: K đường N, P . H, Q . L, TP.Đà Nẵng

27. Bà **Hồ Thị H6** - SN: 1989; trú tại: số E đường Đ, P . T, Q . T, TP.Đà Nẵng

28. Ông **Nguyễn Hữu Đ1** - SN: 2004; trú tại: K đường P, P . T, Q . T, TP.Đà Nẵng

29. Ông **Lê Trọng T8** - SN: 1992; trú tại: K đường N, P . M, Q . S, TP.Đà Nẵng

31. Ông **Võ Trịnh Duy P3** - SN: 1994; trú tại: số A đường L, P . T, Q . H, TP.Đà Nẵng

32. Bà **Lê Diệu Minh T9** - SN: 1996; trú tại: 1 đường Đ, P . H, Q . L, TP.Đà Nẵng

33. Ông **Mai Quang H7** - SN: 1985; trú tại: tổ C, P . H, Q . L, TP.Đà Nẵng

34. Bà **Phạm Nguyễn Bảo N1** - SN: 2003; trú tại: tổ I, P . H, Q . L, TP.Đà Nẵng

35. Ông **Huỳnh Nguyễn Phước T10** - SN: 1999; trú tại: K342/120 đường Hoàng Văn Thái, P.Hòa Khánh Nam, Q.Liên Chiểu, TP.Đà Nẵng

36. Ông **Phan Bá T11** - SN: 2000; trú tại: X . V, H . P, T.Thừa Thiên Huế

37. Ông **Lương Văn T12** - SN: 1997; trú tại: K đường D, P.Thanh Khê T, Q.T, TP.Đà Nẵng

38. Bà **Nguyễn Thị Hoài P4** - SN: 1983; trú tại: K đường T, P . M, Q.N, TP.Đà Nẵng

39. Ông **Nguyễn Ngọc T13** - SN: 1996; trú tại: K đường H, P . X, Q . T, TP.Đà Nẵng.

40. Ông **Trần Huy T14** – SN: 1999; trú tại: Tổ dân phố B, thị trấn E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk.

41. Ông **Nguyễn Văn P5** - SN: 1964; trú: tổ C, P . T, Q . T, TP.Đà Nẵng.

42. Ông Nguyễn Quang T15 - SN: 2004; trú: P.M, Q . N, TP.Đà Nẵng

43. Bà Vũ Thị P6 - SN: 1962; trú: P.T, TP ., T.Nam Định

(Tất cả những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đều vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào lúc 09 giờ ngày 17/6/2024, tại khu vực trước nhà số A đường V, P . M, Q.N, TP.Đà Nẵng, Tổ công tác tuần tra Phòng CSHS Công an TP.Đà Nẵng tiến hành kiểm tra hành chính Ngô Quang Â, phát hiện trong điện di động nhãn hiệu Oppo Reno 2F của Â có nhiều nội dung liên quan đến hoạt động cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự nên đã lập biên bản và đưa Â về trụ sở Cơ quan CSĐT Công an T19 làm việc.

* Tiến hành khám xét khẩn cấp nơi ở của Ngô Quang Â tại K đường V, P.Khu Ê, Q.N, TP.Đà Nẵng, thu giữ:

- 01 điện thoại di động nhãn hiệu Oppo Reno 2F;
- 01 điện thoại di động nhãn hiệu Oppo F9 Pro (của Trần Huy T14);
- 01 hợp đồng mua bán trả góp, ghi ngày 15/6/2024 có chữ ký bên mua trả góp là Trần Mạnh T16; 01 CCCD và 01 GPLX mang tên Trần Mạnh T16;
- 10 Hợp đồng mua bán xe máy, xe mô tô (không có nội dung), có chữ ký của Ngô Quang Â.

* Tiến hành khám xét khẩn cấp nơi ở của Vũ Đức C tại phòng 201, căn hộ D, đường A, P . M, Q.N, TP.Đà Nẵng, thu giữ:

- 01 tập hồ sơ ghi “tháng 5/2024”, bên trong có nhiều giấy tờ, thông tin người vay có liên quan đến hoạt động cho vay;
- 01 tập hồ sơ ghi “tháng 6/2024”, bên trong có nhiều giấy tờ, thông tin người vay có liên quan đến hoạt động cho vay;
- 01 điện thoại di động nhãn hiệu iPhone 11 màu đen, gắn sim số 0763.153.816;
- 01 điện thoại di động nhãn hiệu iPhone 8 Plus màu trắng, gắn sim số 0787.403.089;
- 01 điện thoại di động nhãn hiệu iPhone 11 Pro màu xanh, gắn sim số 0362.499.386;
- 01 điện thoại di động nhãn hiệu iPhone 11 Pro Max màu vàng, gắn sim số 0942.222.285;
- 01 điện thoại di động nhãn hiệu iPhone XR màu xanh đen, không gắn sim.

* Tiến hành khám xét khẩn cấp nơi ở của Nguyễn Đắc C1 tại kiệt B đường N, P . P, Q.N, TP.Đà Nẵng, thu giữ:

- 01 điện thoại di động nhãn hiệu iPhone 12 Pro Max, gắn sim số 0916.885.692;

- 01 xe mô tô nhãn hiệu AirBlade, BKS: 43D1-759.11;

- 01 hợp đồng mua bán trả góp (chưa có thông tin), có chữ ký của Nguyễn Đắc C1.

* Thu giữ của Nguyễn Thị Minh T số tiền 223.011.000đ có trong 03 tài khoản ngân hàng B, V, T20 mang tên Nguyễn Quang T15 và 02 tài khoản ngân hàng M, V1 mang tên Trần Lan H1 và 01 tài khoản ngân hàng T20 mang tên Vũ Thị P6.

Quá trình điều tra, xác định:

Khoảng tháng 6/2023, Vũ Đức C đến TP . thuê phòng 201 căn hộ D, đường A, P . M, Q.N, TP.Đà Nẵng để sinh sống và hoạt động cho vay lãi nặng. Để thực hiện hành vi, C thuê Nguyễn Đức C4, Ngô Quang Â (trả lương 5.000.000đ/ tháng và hưởng lợi 100.000đ – 200.000đ/ hồ sơ được xét duyệt hoặc hồ sơ đáo hạn) để giúp sức cho C trong việc tìm kiếm người vay; trực tiếp đến kiểm tra, xem xét điều kiện; lập hồ sơ cho vay rồi chuyển thủ tục cho C kiểm duyệt và chuyển tiền cho người vay. Đến cuối tháng 5/2024, có thêm Trần Huy T14 hỗ trợ cho C thực hiện hoạt động cho vay lãi nặng đối với 07 – 08 trường hợp và được C trả công 2.000.000đ, tuy nhiên C chỉ xét duyệt hồ sơ cho 01 trường hợp vay (người vay thứ 23). Ngoài ra, còn có Nguyễn Thị Minh T – vợ của C hỗ trợ kiểm duyệt hồ sơ vay và chuyển khoản tiền cho người vay khi C bận việc; toàn bộ số tiền thu lợi từ 39 người vay thì C và T sử dụng để chi tiêu hàng ngày.

Về phương thức cho vay: Thông qua ứng dụng Facebook, C4, Â đăng các bài viết cho vay tiền không thế chấp lên nhiều hội nhóm như: “Vay tiền Quảng Nam, Đà Nẵng”, “Vay tiêu dùng Quảng Nam, Đà Nẵng”, “Vay tín chấp Đà Nẵng, Quảng Nam”, ... kèm số điện thoại của C4 (0916.885.692), Â (0935736878). Khi có người cần vay tiền thì liên lạc vào các số điện thoại trên để C4, Â hướng dẫn thủ tục cho vay, thỏa thuận số tiền vay và lãi suất cho vay; yêu cầu người vay chụp ảnh căn cước công dân, địa chỉ nhà hoặc địa chỉ làm việc để trực tiếp đến kiểm tra, xem xét điều kiện và làm thủ tục cho vay rồi chuyển cho C để xem xét và giải ngân tiền vay.

Về gói vay, thời hạn vay và cách tính lãi như sau: C cho vay gói từ 3.000.000đ đến 10.000.000đ, lãi suất 30%/gói vay tức từ 417,14%/năm đến 486,67%/năm (gấp 20,86 lần đến 24,33 lần mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật Dân sự) và thu trước tiền lãi của gói vay; thời hạn vay: 25 ngày hoặc 30 ngày. Khi người vay trả chậm sau 3 tuần sẽ bị phạt 100.000đ đến 400.000đ/(ngày chậm). Số tiền vay mà người vay được nhận sau khi trừ tiền lãi, gốc của 02 ngày sẽ được C chuyển khoản thông qua tài khoản 06 tài khoản ngân hàng, gồm: STK 810001060002629 Ngân hàng B (B1); STK 943326592 Ngân hàng TMCP Q1 (V); STK 19037247223012 Ngân hàng TMCP K2 (T20) đều mang tên Nguyen Quang T17 và STK 1300101047338 Ngân hàng TMCP H11 (MSB); STK 1037377509 Ngân hàng TMCP N3 (V1) đều mang tên Tran Lan H8. Đến khoảng giữa tháng 6/2024, C sử dụng thêm STK 19039889540014 Ngân hàng TMCP K2 (T20) mang tên Vu Thi P7 để thực hiện hoạt động cho vay lãi nặng. Số tiền người vay trả gốc hàng ngày được chuyển khoản đến tài khoản nêu trên hoặc do Â, C4 trực tiếp đến thu của người vay.

Với cách thức như trên, trong khoảng thời gian từ tháng 6/2023 (không nhớ chính xác ngày) đến ngày 17/6/2024, trên địa bàn quận N và các quận khác thuộc TP.Đà Nẵng, Vũ Đức C đã cho 39 người vay, tổng số tiền cho vay là 729.000.000đ, số tiền lãi thu lợi bất chính là 211.677.260đ, gồm: số tiền lãi vượt quá là 208.997.260đ và tiền phí phạt chậm thanh toán là 2.680.000đ. Trong đó, Nguyễn Thị Minh T giúp sức cho C kiểm duyệt hồ sơ của 22 người vay, tổng số tiền cho vay là 415.000.000đ, số tiền lãi thu lợi bất chính là 120.365.069đ, gồm: số tiền lãi vượt quá là 118.965.069đ và tiền phí là 1.400.000đ; Nguyễn Đắc C1 giúp sức cho C cho 22 người vay, tổng số tiền cho vay là 433.000.000đ, số tiền lãi thu lợi bất chính là 125.802.054đ, gồm: số tiền lãi vượt quá là 124.202.055đ và tiền phí là 1.600.000đ; Ngô Quang Â giúp sức cho C cho 22 người vay tổng số tiền cho vay là 366.000.000đ, số tiền lãi thu lợi bất chính là 105.866.301 đồng, gồm: số tiền lãi vượt quá là 104.786.301 đồng và tiền phí phạt là 1.080.000đ. Cụ thể:

1. Ông Trần Quốc L1 (SN: 2000; trú: tổ D, T.Đông Hòa, X.H, TP.Đà Nẵng): C1 giúp sức cho C làm thủ tục cho ông L1 vay 04 lần:

Lần thứ 1: khoảng đầu tháng 3/2024, vay số tiền 5.000.000đ, góp trong 25 ngày, mỗi ngày góp 200.000đ, với mức lãi suất 438%/năm; trong đó, thu trước tiền lãi là 1.500.000đ và 02 ngày góp là 400.000đ. Ông L1 tiếp tục vay thêm lần thứ 2, 3, 4 với gói vay, hình thức vay như lần thứ nhất và đã góp xong gói vay của lần thứ 1, 2, 3, còn lần thứ 4 thì ông L1 góp được 10 ngày. Tại lần vay thứ 2 và thứ 4, do đóng trễ 03 tuần nên ông L1 chịu phí phạt trễ hạn là 200.000đ/lần. Số tiền lãi hợp pháp đã trả là 273.973đ, số tiền gốc chưa trả là 3.000.000đ, số tiền thu lợi bất chính: 6.126.027đ.

2. Ông Trần Viết S (SN: 1994; trú: tổ E, P . H, Q . T, TP.Đà Nẵng): Âu và T giúp sức cho C làm thủ tục cho ông S vay 05 lần:

Lần thứ 1: khoảng tháng 01/2024, vay số tiền 5.000.000đ, góp trong 25 ngày, mỗi ngày góp 200.000đ, với mức lãi suất 438%/năm, trong đó, thu trước tiền lãi là 1.500.000đ và 02 ngày góp là 400.000đ. Ông S góp xong gói vay này thì tiếp tục vay lần thứ 2, 3, 4, 5 đều vay số tiền 6.000.000đ, góp trong 25 ngày, mỗi ngày góp 240.000đ, với mức lãi suất 438%/năm, trong đó thu trước tiền lãi là 1.800.000đ và 02 ngày góp là 480.000đ. Ông S đã góp xong gói vay của lần thứ 2, 3, 4 còn lần thứ 5 thì góp được 19 ngày. Số tiền lãi hợp pháp đã trả là 397.260đ, số tiền gốc chưa trả là 1.440.000đ, số tiền thu lợi bất chính: 8.302.740đ.

3. Ông Đặng Ngọc S1 (SN: 1991; trú: số C đường H, P . H, Q . C, TP.Đà Nẵng): C1 giúp sức cho C làm thủ tục cho ông S1 vay 03 lần:

Lần thứ 1: khoảng đầu năm 2024, vay số tiền 5.000.000đ, góp trong 25 ngày, mỗi ngày góp 200.000đ, với mức lãi suất 438%/năm, trong đó, thu trước tiền lãi là 1.500.000đ và 02 ngày góp là 400.000đ. Ông S1 góp xong gói vay này thì tiếp tục vay lần thứ 2 với gói vay, hình thức vay như lần thứ nhất và đã góp xong. Lần thứ 3: ông S1 vay gói 7.000.000đ, góp trong 25 ngày, mỗi ngày góp 280.000đ, với mức lãi suất 438%/năm, trong đó, thu trước tiền lãi là 2.100.000đ và 02 ngày góp là 560.000đ, ông S1 đã góp xong gói vay này. Số tiền lãi hợp pháp đã trả là 232.877đ, số tiền thu lợi bất chính: 4.867.123đ.

4. Ông Huỳnh Đức H2 (SN: 2000; trú: tổ D, P.Hòa Hiệp N, Q . L, TP.Đà Nẵng): Âu giúp sức cho C làm thủ tục cho ông H2 vay 02 lần:

Lần thứ nhất: khoảng tháng 5/2024, vay số tiền 5.000.000đ, góp trong 25 ngày, mỗi ngày góp 200.000đ, với mức lãi suất 438%/năm, trong đó, thu trước tiền lãi là 1.500.000đ và 02 ngày góp là 400.000đ. Ông H2 góp xong gói vay này thì tiếp tục vay lần thứ 2 với gói vay 3.000.000đ, góp trong 25 ngày, mỗi ngày góp 120.000đ, với mức lãi suất 486,67%/năm, trong đó, thu trước tiền lãi là 1.000.000đ và 02 ngày góp là 240.000đ, ông H2 góp được 15 ngày. Số tiền lãi hợp pháp đã trả là 109.589đ, số tiền gốc chưa trả là 1.200.000đ, số tiền thu lợi bất chính: 2.390.411đ.

5. Ông Trần Văn Minh T3 (SN: 2005; trú: số D đường H, P . A, Q . T, TP.Đà Nẵng): Âu giúp sức cho C làm thủ tục cho ông T3 vay 02 lần:

Lần thứ nhất: khoảng đầu tháng 3/2024, vay số tiền 5.000.000đ, góp trong 25 ngày, mỗi ngày góp 200.000đ, với mức lãi suất 438%/năm, trong đó, thu trước tiền lãi là 1.500.000đ và 02 ngày góp là 400.000đ. Ông T3 vay lần thứ 2 với gói vay, hình thức vay như lần thứ 1 và đã góp xong cả 2 gói vay. Số tiền lãi hợp pháp đã trả là 136.986đ, số tiền thu lợi bất chính: 2.863.014đ.

6. Bà Trần Mỹ U (SN: 2003; trú: tổ A, P.Thanh Khê T, Q.T, TP.Đà Nẵng) vay 07 lần (C1 giúp sức lần thứ 1, 2; Âu giúp sức lần thứ 3, 4, 5, 6, 7; T giúp C xét duyệt hồ sơ và chuyển khoản tiền vay):

Lần thứ nhất: ngày 14/01/2024, vay số tiền 5.000.000đ, góp trong 25 ngày, mỗi ngày góp 200.000đ, với mức lãi suất 438%/năm, trong đó thu trước tiền lãi là 1.500.000đ và 02 ngày góp là 400.000đ. Bà U góp xong gói vay này thì tiếp tục vay lần thứ 2, 3, 4, 5, 6, 7 với gói vay, hình thức vay như lần thứ nhất và đã góp xong lần thứ 2, 3, 4, 5, 6, riêng lần thứ 7 bà U góp được 21 ngày. Số tiền lãi hợp pháp đã trả là 479.452đ, số tiền gốc chưa trả là 800.000đ, số tiền thu lợi bất chính: 10.020.548đ.

7. Ông Võ Văn H3 (SN: 1994; trú: tổ F, P . H, Q . L, TP.Đà Nẵng): Âu và T giúp sức cho C làm thủ tục cho ông H3 vay 02 lần:

Lần thứ nhất: ngày 23/3/2024, vay số tiền 4.000.000đ, góp trong 25 ngày, mỗi ngày góp 160.000đ, với mức lãi suất 456,25%/năm, trong đó thu trước tiền lãi là 1.250.000đ và 02 ngày góp là 320.000đ. Ông H3 góp xong gói vay này thì tiếp tục vay lần thứ 2 với gói vay 4.000.000đ, góp trong 25 ngày, mỗi ngày góp 160.000đ, với mức lãi suất 474,5%/năm, trong đó, thu trước tiền lãi là 1.300.000đ và 02 ngày góp là 320.000đ, ông H3 góp được 23 ngày. Số tiền lãi hợp pháp đã trả là 109.589đ, số tiền gốc chưa trả là 320.000đ, số tiền thu lợi bất chính: 2.440.411đ

8. Bà Phan Thị Mỹ H4 (SN: 1997; trú: số A đường N, P.Thanh Khê T, Q.T, TP.Đà Nẵng): C1, A và T giúp sức cho C làm thủ tục cho bà H4 vay 03 lần:

Lần thứ 1: khoảng tháng 11/2023, cho bà H4 vay số tiền 5.000.000đ, góp trong 25 ngày, mỗi ngày góp 200.000đ, với mức lãi suất 438%/năm, trong đó thu trước tiền lãi là 1.500.000đ và 02 ngày góp là 400.000đ. Bà H4 góp xong gói vay này thì tiếp tục vay lần thứ 2 với gói vay, hình thức vay như lần thứ nhất. Góp xong gói vay này, bà H4 vay lần thứ

3 với gói vay 6.000.000đ, góp trong 25 ngày, mỗi ngày góp 240.000đ, với mức lãi suất 438%/năm, trong đó, thu trước tiền lãi là 1.800.000đ và 02 ngày góp là 480.000đ, bà H4 góp được 11 ngày. Số tiền lãi hợp pháp đã trả là 219.178đ, số tiền gốc chưa trả là 3.360.000đ, số tiền thu lợi bất chính: 4.580.822đ.

9. Bà Nguyễn Thị Diễm T4 (SN: 1996; trú: số E đường L, P . A, Q . S, TP.Đà Nẵng): C1 giúp sức cho C làm thủ tục cho bà T4 vay 05 lần:

Lần thứ nhất: khoảng tháng 9/2023, vay số tiền 5.000.000đ, góp trong 25 ngày, mỗi ngày góp 200.000đ, với mức lãi suất 438%/năm, trong đó, thu trước tiền lãi là 1.500.000đ và 02 ngày góp là 400.000đ. Góp xong gói vay này, bà T4 tiếp tục vay lần thứ 2, 3 với gói vay 3.000.000đ, góp trong 30 ngày, mỗi ngày góp 100.000đ, với mức lãi suất 446,11%/năm, trong đó, thu trước tiền lãi là 1.100.000đ và 02 ngày góp là 200.000đ. Góp xong lần thứ 2, 3 bà T4 tiếp tục vay lần thứ 4, 5 với gói vay, hình thức vay như lần thứ nhất và đã trả xong. Số tiền lãi hợp pháp đã trả là 304.110đ, số tiền thu lợi bất chính: 6.395.890đ.

10. Ông Nguyễn Dư C2 (SN: 1997; trú: kiệt 3 đường H, P.Hòa Cường N, Q.H, TP.Đà Nẵng): Âu giúp sức cho C làm thủ tục cho ông C2 vay 07 lần:

Lần thứ nhất: ngày 12/8/2023, vay số tiền 5.000.000đ, góp trong 25 ngày, mỗi ngày góp 200.000đ, với mức lãi suất 438%/năm, trong đó thu trước tiền lãi là 1.500.000đ và 02 ngày góp là 400.000đ. Góp xong gói vay này, ông C2 tiếp tục vay lần 2, 3 với gói vay, hình thức vay như lần thứ 1 và đã góp xong. Ông C2 tiếp tục vay lần thứ 4, 5, 6, 7 với gói vay 6.000.000đ, góp trong 25 ngày, mỗi ngày góp 240.000đ, với mức lãi suất 438%/năm, trong đó, thu trước tiền lãi là 1.800.000đ và 02 ngày góp là 480.000đ, ông C2 cũng đã góp xong. Số tiền lãi hợp pháp đã trả là 534.247đ, số tiền thu lợi bất chính: 11.165.753đ.

11. Ông Nguyễn Tuấn A (SN: 1991; trú: kiệt 4 đường H, P . B, Q.H, TP.Đà Nẵng): Âu giúp sức cho C làm thủ tục cho ông A vay 05 lần:

Lần thứ nhất: khoảng đầu tháng 4/2024, vay số tiền 7.000.000đ, góp trong 25 ngày, mỗi ngày góp 280.000đ, với mức lãi suất 427,57%/năm, trong đó, thu trước tiền lãi là 2.050.000đ và 02 ngày góp là 560.000đ. Góp xong gói vay này, ông A tiếp tục vay lần thứ 2, 3, 4, 5 với gói vay, hình thức vay như lần thứ 1 và đã góp xong lần thứ 2, 3, 4; riêng lần thứ 5, ông A góp được 02 ngày. Phạt chậm thanh toán ở lần vay thứ 4 số tiền 280.000đ và lần vay thứ 5 số tiền 100.000đ. Số tiền lãi hợp pháp đã trả là 479.452đ, số tiền gốc chưa trả là 6.440.000đ, số tiền thu lợi bất chính: 10.150.548đ.

12. Ông Nguyễn Đăng N (SN: 2001; trú: tổ A, P . H, Q.T, TP.Đà Nẵng): C1, T giúp sức cho C làm thủ tục cho ông N vay 01 lần vào ngày 20/3/2024, gói vay 5.000.000đ, góp trong 25 ngày, mỗi ngày góp 200.000đ, với mức lãi suất 438%/năm, trong đó, thu trước tiền lãi là 1.500.000đ và 02 ngày góp là 400.000đ, ông N đã góp xong. Số tiền lãi hợp pháp đã trả là 68.493đ, số tiền thu lợi bất chính: 1.431.507đ.

13. Ông Nguyễn Ngọc Q (SN: 1999; trú: số C đường B T, P.H, Q . C, TP.Đà Nẵng) vay 04 lần (C1 giúp sức ở lần vay thứ 1 và Â giúp sức ở lần vay thứ 2, 3, 4; T giúp C xét duyệt hồ sơ và chuyển khoản tiền vay):

Lần thứ nhất: khoảng tháng 11/2023, vay số tiền 8.000.000đ, góp trong 25 ngày, mỗi ngày góp 320.000đ, với mức lãi suất 419,75%/năm, trong đó thu trước tiền lãi là 2.300.000đ và 02 ngày góp là 640.000đ. Góp xong gói vay này, ông Q tiếp tục vay lần thứ 2, 3 với gói vay, hình thức vay như lần thứ 1 và đã góp xong lần thứ 2, 3. Lần thứ 4, ông Q vay gói 4.000.000đ, góp trong vòng 25 ngày, mỗi ngày góp 160.000đ, với mức lãi suất 456,25%/năm, trong đó, thu trước tiền lãi là 1.250.000đ và 02 ngày góp 320.000đ, ông Q góp được 02 ngày. Số tiền lãi hợp pháp đã trả là 383.562đ, số tiền gốc chưa trả là 3.680.000đ, số tiền thu lợi bất chính: 7.766.438đ.

14. Bà Trần Mỹ D (SN: 1995; trú: K đường H, P . T, Q . H, TP.Đà Nẵng) vay 06 lần (C1 giúp sức lần vay thứ 1, 2, 3, 4, 5 và A giúp sức lần vay thứ 6; T giúp C xét duyệt hồ sơ và chuyển khoản tiền vay):

Lần thứ nhất: ngày 24/01/2024, vay số tiền 5.000.000đ, góp trong 25 ngày, mỗi ngày góp 200.000đ, với mức lãi suất 438%/năm, trong đó, thu trước tiền lãi là 1.500.000đ và 02 ngày góp là 400.000đ. Bà D vay lần thứ 2, 3, 4, 5, 6 với gói vay, hình thức vay như lần thứ 1 và đã góp xong toàn bộ. Số tiền lãi hợp pháp đã trả là 310.959đ, số tiền thu lợi bất chính: 8.589.041đ

15. Bà Lê Thị Thúy K (SN: 1978; trú: tổ E, P . M, Q . S, TP.Đà Nẵng): C1 và T giúp sức cho C làm thủ tục cho bà K vay 01 lần vào ngày 25/5/2024, vay gói 7.000.000đ, góp trong 25 ngày, mỗi ngày góp 280.000đ, với mức lãi suất 427,57%/năm, trong đó, thu trước tiền lãi là 2.050.000đ và 02 ngày góp là 560.000đ. Bà K góp được 22 ngày. Số tiền lãi hợp pháp đã trả là 95.890đ, số tiền gốc chưa trả là 840.000đ, số tiền thu lợi bất chính: 1.954.110đ.

16. Ông Nguyễn Ngọc Đ (SN: 1983; trú: số A đường L, P . K, Q . C, TP.Đà Nẵng): C1 và T giúp sức cho C làm thủ tục cho ông Đ vay 01 lần vào ngày 08/6/2024, vay gói 10.000.000đ, góp trong 25 ngày, mỗi ngày góp 400.000đ, với mức lãi suất 438%/năm, trong đó, thu trước tiền lãi là 3.000.000đ và 02 ngày góp là 800.000đ. Ông Đ góp được 10 ngày. Số tiền lãi hợp pháp đã trả là 136.986đ, số tiền gốc chưa trả là 6.000.000đ, số tiền thu lợi bất chính: 2.863.014đ.

17. Ông Trần Quốc T5 (SN: 2000; trú: số I đường H, P.Hòa Cường N, Q.H, TP.Đà Nẵng): C1 giúp sức cho C làm thủ tục cho ông T5 vay 04 lần:

Lần thứ 1: ngày 28/3/2024, vay số tiền 5.000.000đ, góp trong 25 ngày, mỗi ngày góp 200.000đ, với mức lãi suất 438%/năm, trong đó thu trước tiền lãi là 1.500.000đ và 02 ngày góp là 400.000đ. Ông Tuấn góp xong lần thứ 1 thì tiếp tục vay lần thứ 2, 3, 4 với gói vay, hình thức vay như lần thứ 1 và đã góp xong lần thứ 2, 3; riêng lần thứ 4 ông T5 góp được 08 ngày. Số tiền lãi hợp pháp đã trả là 273.973đ, số tiền gốc chưa trả là 3.400.000đ, số tiền thu lợi bất chính: 5.726.027đ.

18. Ông Sử Hoài G (SN: 2000; trú: số C đường C, P . H, Q . C, TP.Đà Nẵng): C1 giúp sức cho C làm thủ tục cho ông G vay 03 lần:

Lần thứ nhất: ngày 01/4/2024, vay số tiền 8.000.000đ, góp trong 25 ngày, mỗi ngày góp 320.000đ, với mức lãi suất 438%/năm, trong đó, thu trước tiền lãi là 2.400.000đ và 02

ngày góp là 640.000đ. Ông G góp xong gói vay này thì tiếp tục vay lần thứ 2 với gói vay, hình thức vay như lần thứ 1 và đã góp xong. Lần thứ 3, ông G vay gói 10.000.000đ, góp trong 25 ngày, mỗi ngày góp 400.000đ, với mức lãi suất 438%/năm, trong đó, thu trước tiền lãi là 3.000.000đ và 02 ngày góp là 800.000đ, chịu phí phạt chậm thanh toán là 200.000đ. Ông G góp được 08 ngày. Số tiền lãi hợp pháp đã trả là 356.164đ, số tiền gốc chưa trả là 6.800.000đ, số tiền thu lợi bất chính: 7.643.836đ.

19. Anh Lê Thành T6 (SN: 1995; trú: tổ A, P . H, Q . C, TP.Đà Nẵng): Âu giúp sức cho C làm thủ tục cho ông T6 vay 03 lần:

Lần thứ 1: ngày 15/3/2024, vay số tiền 5.000.000đ, góp trong 25 ngày, mỗi ngày góp 200.000đ, với mức lãi suất 438%/năm, trong đó, thu trước tiền lãi là 1.500.000đ và 02 ngày góp là 400.000đ. Ông T6 góp xong lần thứ 1 thì tiếp tục vay lần thứ 2, 3 với gói vay, hình thức vay như lần thứ 1 và đã góp xong lần thứ 2; riêng lần thứ 3 ông T6 góp được 10 ngày. Số tiền lãi hợp pháp đã trả là 205.480đ, số tiền gốc chưa trả là 3.000.000đ, số tiền thu lợi bất chính: 4.294.521đ

20. Bà Nguyễn Thị Thanh T7 (SN: 2005; trú: K đường T, P . H, Q . L, TP.Đà Nẵng): Âu và T giúp sức cho C làm thủ tục cho bà T7 vay 01 lần vào ngày 22/5/2024, vay số tiền 7.000.000đ, góp trong 25 ngày, mỗi ngày góp 280.000đ, với mức lãi suất 427,57%/năm, trong đó thu trước tiền lãi là 2.050.000đ và 02 ngày góp là 560.000đ. Bà T7 đã góp xong. Số tiền lãi hợp pháp đã trả là 95.890đ, số tiền thu lợi bất chính: 1.954.110đ.

21. Ông Nguyễn Xuân P1 (SN: 1993; trú: số G đường B, P . T, Q . H, TP.Đà Nẵng) vay 02 lần (C1 giúp sức ở lần vay thứ 1 và Â giúp sức ở lần vay thứ 2; T giúp C xét duyệt hồ sơ và chuyển khoản tiền vay):

Lần thứ nhất: ngày 03/02/2024, vay số tiền 6.000.000đ, góp trong 25 ngày, mỗi ngày góp 240.000đ, với mức lãi suất 438%/năm, trong đó, thu trước tiền lãi là 1.800.000đ và 02 ngày góp là 480.000đ. Ông P1 đã góp xong gói vay này và tiếp tục vay lần thứ 2 với gói vay, hình thức vay như lần thứ 1, góp được 10 ngày. Số tiền lãi hợp pháp đã trả là 164.384đ, số tiền gốc chưa trả là 3.600.000đ, số tiền thu lợi bất chính: 3.435.616đ.

22. Ông Trần Đình P2 (SN: 1998; trú: phòng 202, chung cư K, đường N, P . K, Q . C, TP.Đà Nẵng) vay 02 lần (C1 giúp sức ở lần vay thứ 1 và Â giúp sức ở lần vay thứ 2; T giúp C xét duyệt hồ sơ và chuyển khoản tiền vay):

Lần thứ nhất: khoảng cuối năm 2023, vay số tiền 5.000.000đ, góp trong 25 ngày, mỗi ngày góp 200.000đ, với mức lãi suất 438%/năm, trong đó, thu trước tiền lãi là 1.500.000đ và 02 ngày góp là 400.000đ. Ông P2 góp xong lần thứ 1 thì tiếp tục vay lần thứ 2 với gói vay, hình thức vay như lần thứ 1 và góp được 15 ngày. Số tiền lãi hợp pháp đã trả là 136.986đ, số tiền gốc chưa trả là 2.000.000đ, số tiền thu lợi bất chính: 2.863.014đ.

23. Ông Mai Văn C3 (SN: 2004; trú: K đường D, P . A, Q . S, TP.Đà Nẵng): T14 giúp sức cho C làm thủ tục cho ông C3 vay 01 lần vào ngày 04/6/2024, vay số tiền 7.000.000đ, góp trong 25 ngày, mỗi ngày góp 280.000đ, với mức lãi suất 417,14%/năm, trong đó, thu trước tiền lãi là 2.000.000đ và 02 ngày góp là 560.000đ. Ông C3 góp được 13 ngày. Số tiền

lãi hợp pháp đã trả là 95.890đ, số tiền gốc chưa trả là 3.360.000đ, số tiền thu lợi bất chính: 1.904.110đ.

24. Ông Đặng K1 (SN: 1997; trú: K đường N, P . A, Q . T, TP.Đà Nẵng): C3 giúp sức cho C làm thủ tục cho ông K1 vay 01 lần vào ngày 08/6/2024, vay số tiền 5.000.000đ, góp trong 25 ngày, mỗi ngày góp 200.000đ, với mức lãi suất 438%/năm, trong đó, thu trước tiền lãi là 1.500.000đ và 02 ngày góp là 400.000đ. Ông K1 góp được 10 ngày. Số tiền lãi hợp pháp đã trả là 68.493đ, số tiền gốc chưa trả là 3.000.000đ, số tiền thu lợi bất chính: 1.431.507đ.

25. Ông Nguyễn Minh H5 (SN: 1990; trú: số A đường V, P . H, Q.N, TP.Đà Nẵng): Âu giúp sức cho C làm thủ tục cho ông H5 vay 06 lần:

Lần thứ 1: khoảng tháng 12/2023, vay số tiền 10.000.000đ, góp trong 25 ngày, mỗi ngày góp 400.000đ, với mức lãi suất 438%/năm, trong đó thu trước tiền lãi là 3.000.000đ và 02 ngày góp là 800.000đ. Ông H5 đã góp xong gói vay này và tiếp tục vay lần thứ 2, 3, 4, 5, 6 với gói vay, hình thức vay như lần thứ 1. Ông H5 đã góp xong gói vay của lần thứ 2, 3, 4, 5; riêng lần thứ 6 góp được 09 ngày. Phạt chậm thanh toán ở lần vay thứ 2 số tiền 200.000đ và lần vay thứ 3 số tiền 100.000đ. Số tiền lãi hợp pháp đã trả là 821.918đ, số tiền gốc chưa trả là 6.400.000đ, số tiền thu lợi bất chính: 17.478.082đ.

26. Ông Lê Văn D1 (SN: 1988; trú: K đường N, P . H, Q . L, TP.Đà Nẵng): C3 và T giúp sức cho C làm thủ tục cho ông D1 vay 01 lần vào ngày 25/3/2024, vay số tiền 5.000.000đ, góp trong 25 ngày, mỗi ngày góp 200.000đ, với mức lãi suất 438%/năm, trong đó, thu trước tiền lãi là 1.500.000đ và 02 ngày góp là 400.000đ. Ông D1 đã góp xong gói vay này. Số tiền lãi hợp pháp đã trả là 68.493đ, số tiền thu lợi bất chính: 1.431.507đ.

27. Bà Hồ Thị H6 (SN: 1989; trú: số E đường Đ, P . T, Q . T, TP.Đà Nẵng): C3 và T giúp sức cho C làm thủ tục cho bà H6 vay 06 lần:

Lần thứ 1: vay số tiền 5.000.000đ, góp trong 25 ngày, mỗi ngày góp 200.000đ, với mức lãi suất 438%/năm, trong đó, thu trước tiền lãi là 1.500.000đ và 02 ngày góp là 400.000đ. Bà H6 tiếp tục vay lần thứ 2, 3, 4, 5, 6, trong đó: lần thứ 2, 4, 5, bà H6 vay gói 7.000.000đ, góp trong 25 ngày, mỗi ngày góp 280.000đ, với mức lãi suất 427,57%/năm, trong đó, thu trước tiền lãi là 2.050.000đ và 02 ngày góp là 560.000đ; lần thứ 3, bà H6 vay số tiền 10.000.000đ, góp trong 25 ngày, mỗi ngày góp 400.000đ, với mức lãi suất 438%/năm, trong đó, thu trước tiền lãi là 3.000.000đ và 02 ngày góp là 800.000đ. Bà H6 tiếp tục vay lần thứ 6 với gói vay, hình thức vay như lần thứ 1. Bà H6 đã góp xong các lần vay thứ 1, 2, 3, 4, 5; riêng lần thứ 6, bà H6 góp được 18 ngày. Số tiền lãi hợp pháp đã trả là 561.644đ, số tiền gốc chưa trả là 1.400.000đ, số tiền thu lợi bất chính: 11.588.356đ.

28. Ông Nguyễn Hữu Đ1 (SN: 2004; trú: K đường P, P . T, Q . T, TP.Đà Nẵng): Âu và T giúp sức cho C làm thủ tục cho ông Đ1 vay 05 lần:

Lần thứ 1: khoảng tháng 3/2024, vay số tiền 5.000.000đ, góp trong 25 ngày, mỗi ngày góp 200.000đ, với mức lãi suất 438%/năm, trong đó, thu trước tiền lãi là 1.500.000đ và 02 ngày góp là 400.000đ. Sau khi trả xong gói vay này, ông Đ1 tiếp tục vay lần thứ 2 với gói

vay, hình thức vay như lần thứ 1 và cũng đã trả xong. Ông Đ1 tiếp tục vay lần thứ 3, 4, 5 với gói vay 6.000.000đ, góp trong 25 ngày, mỗi ngày góp 240.000đ, với mức lãi suất 438%/năm, trong đó, thu trước tiền lãi là 1.800.000đ và 02 ngày góp là 480.000đ và ông Đ1 cũng đã góp xong. Số tiền lãi hợp pháp đã trả là 383.562đ, số tiền thu lợi bất chính: 8.016.438đ.

29. Ông Lê Trọng T8 (SN: 1992; trú: K201/17 đường N, P . M, Q . S, TP.Đà Nẵng): Âu giúp sức cho C làm thủ tục cho ông T8 vay 01 lần vào ngày 25/4/2024, vay gói 4.000.000đ, góp trong 25 ngày, mỗi ngày góp 160.000đ, với mức lãi suất 438%/năm, trong đó, thu trước tiền lãi là 1.200.000đ và 02 ngày góp là 320.000đ, ông T8 đã góp xong. Số tiền lãi hợp pháp đã trả là 54.795đ, số tiền thu lợi bất chính: 1.145.205đ.

30. Bà Trần Thị Minh H9 (SN: 1995; trú: tổ C, P.Hòa Hiệp N, Q . L, TP.Đà Nẵng): Âu và T giúp sức cho C làm thủ tục cho bà H9 vay 01 lần vào ngày 25/4/2024, vay gói 5.000.000đ, góp trong 25 ngày, mỗi ngày góp 200.000đ, với mức lãi suất 438%/năm, trong đó, thu trước tiền lãi là 1.500.000đ và 02 ngày góp là 400.000đ, bà H9 đã góp xong. Số tiền lãi hợp pháp đã trả là 68.493đ, số tiền thu lợi bất chính: 1.431.507đ.

31. Ông Võ Trịnh Duy P3 (SN: 1994; trú: số A đường L, P . T, Q . H, TP.Đà Nẵng): C3 giúp sức cho C làm thủ tục cho ông P3 vay 01 lần vào ngày 03/6/2024, vay gói 5.000.000đ, góp trong 25 ngày, mỗi ngày góp 200.000đ, với mức lãi suất 438%/năm, trong đó thu trước tiền lãi là 1.500.000đ và 02 ngày góp là 400.000đ, ông P3 góp được 15 ngày. Số tiền lãi hợp pháp đã trả là 68.493đ, số tiền gốc chưa trả là 2.000.000đ, số tiền thu lợi bất chính: 1.431.507đ.

32. Bà Lê Diệu Minh T9 (SN: 1996; trú: 117/15 đường Đ, P . H, Q . L, TP.Đà Nẵng): C3 và T giúp sức cho C làm thủ tục cho bà T9 vay 01 lần vào ngày 25/3/2024, vay gói 5.000.000đ, góp trong 25 ngày, mỗi ngày góp 200.000đ, với mức lãi suất 438%/năm, trong đó thu trước tiền lãi là 1.500.000đ và 02 ngày góp là 400.000đ, bà T9 góp được 21 ngày. Số tiền lãi hợp pháp đã trả là 68.493đ, số tiền thu lợi bất chính: 1.431.507đ.

33. Ông Mai Quang H7 (SN: 1985; trú: tổ C, P . H, Q . L, TP.Đà Nẵng): C3 giúp sức cho C làm thủ tục cho ông H7 vay 03 lần:

Lần thứ 1: khoảng tháng 4/2024, vay số tiền 6.000.000đ, góp trong 25 ngày, mỗi ngày góp 240.000đ, với mức lãi suất 438%/năm, trong đó thu trước tiền lãi là 1.800.000đ và 02 ngày góp là 480.000đ, ông H7 góp xong gói vay này thì tiếp tục vay lần thứ 2 với gói vay, hình thức vay như lần thứ 1 và đã góp xong gói vay này; lần thứ 3 vay số tiền 5.000.000đ, góp trong 25 ngày, mỗi ngày góp 200.000đ, với mức lãi suất 438%/năm, trong đó thu trước tiền lãi là 1.500.000đ và 02 ngày góp là 400.000đ, ông H7 góp được 15 ngày. Số tiền lãi hợp pháp đã trả là 232.877đ, số tiền gốc chưa trả là 2.000.000đ, số tiền thu lợi bất chính: 4.867.123đ.

34. Bà Phạm Nguyên Bảo N1 (SN: 2003; trú: tổ I, P . H, Q . L, TP.Đà Nẵng): C3 và T giúp sức cho C làm thủ tục cho bà N1 vay 06 lần:

Lần thứ 1: khoảng tháng 02/2024, vay số tiền 5.000.000đ, góp trong 25 ngày, mỗi ngày góp 200.000đ, với mức lãi suất 438%/năm, trong đó thu trước tiền lãi là 1.500.000đ và 02 ngày góp là 400.000đ. Bà N1 góp xong gói vay này và tiếp tục vay lần thứ 2, 3, 4, 5, 6 với gói vay, hình thức vay như lần thứ 1. Bà N1 đã góp xong lần thứ 2, 3, 4, 5; riêng lần thứ 6, bà N1 góp được 13 ngày. Số tiền lãi hợp pháp đã trả là 410.959đ, số tiền gốc chưa trả là 2.400.000đ, số tiền thu lợi bất chính: 8.598.041đ

35. Ông Huỳnh Nguyễn Phước T10 (SN: 1999; trú: K đường H, P . H, Q . L, TP.Đà Nẵng): Âu và T giúp sức cho C làm thủ tục cho ông T10 vay 01 lần vào ngày 21/4/2024, vay số tiền 10.000.000đ, góp trong 25 ngày, mỗi ngày góp 400.000đ, với mức lãi suất 438%/năm, trong đó thu trước tiền lãi là 3.000.000đ và 02 ngày góp là 800.000đ, ông T10 đã góp xong. Số tiền lãi hợp pháp đã trả là 136.986đ, số tiền thu lợi bất chính: 2.863.014đ.

36. Ông Phan Bá T11 (SN: 2000; trú: X.Vinh Thanh, H . P, Thừa Thiên H10) vay 10 lần (C3 giúp sức trong lần thứ 1, 2, 4, 6, 7, 10 và Âu giúp sức trong lần thứ 3, 5, 8, 9; T giúp C xét duyệt hồ sơ và chuyển khoản tiền vay):

Lần thứ 1: khoảng tháng 7/2023, vay số tiền 7.000.000đ, góp trong 25 ngày, mỗi ngày góp 280.000đ, với mức lãi suất 438%/năm, trong đó thu trước tiền lãi là 2.100.000đ và 02 ngày góp là 560.000đ. Ông T11 đã góp xong gói vay này và tiếp tục vay lần thứ 2 với gói vay, hình thức vay như lần thứ 1 và đã góp xong; lần thứ 3, 4, 8 vay gói 5.000.000đ, góp trong 25 ngày, mỗi ngày góp 200.000đ, với mức lãi suất 438%/năm, trong đó thu trước tiền lãi là 1.500.000đ và 02 ngày góp là 400.000đ; lần thứ 5, 6, 7, 9, 10 vay gói 3.000.000đ, góp trong 25 ngày, mỗi ngày góp 120.000đ, với mức lãi suất 486,67%/năm, trong đó thu trước tiền lãi là 1.000.000đ và 02 ngày góp là 240.000đ. Phạt chậm thanh toán tại các lần vay thứ 4, 5, 9, 10 số tiền 200.000đ/lần. Ông T11 đã góp xong các gói vay, riêng lần thứ 10, ông T11 góp được 20 ngày. Số tiền lãi hợp pháp đã trả là 602.740đ, số tiền gốc chưa trả là 600.000đ, số tiền thu lợi bất chính: 13.897.260đ.

37. Ông Lương Văn T12 (SN: 1997; trú: K đường D, P.Thanh Khê T, Q.T, TP.Đà Nẵng): Âu và T giúp sức cho C làm thủ tục cho ông T12 vay 02 lần:

Lần thứ 1: ngày 23/4/2024, vay số tiền 5.000.000đ, góp trong 25 ngày, mỗi ngày góp 200.000đ, với mức lãi suất 438%/năm, trong đó thu trước tiền lãi là 1.500.000đ và 02 ngày góp là 400.000đ. Góp xong gói vay này, ông T12 tiếp tục vay lần thứ 2 với gói vay, hình thức vay như lần thứ 1 và cũng đã góp xong. Số tiền lãi hợp pháp đã trả là 136.986đ, số tiền thu lợi bất chính: 2.863.014đ.

38. Bà Nguyễn Thị Hoài P4 (SN: 1983; trú: K đường T, P . M, Q.N, TP.Đà Nẵng): C3 và T giúp sức cho C làm thủ tục cho bà P4 vay 08 lần:

Lần thứ 1: ngày 17/7/2023, vay số tiền 5.000.000đ, góp trong 25 ngày, mỗi ngày góp 200.000đ, với mức lãi suất 438%/năm, trong đó thu trước tiền lãi là 1.500.000đ và 02 ngày góp là 400.000đ. Bà P4 đã góp xong gói vay này và tiếp tục vay lần thứ 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8 với gói vay, hình thức vay như lần thứ 1. Phạt chậm thanh toán tại lần vay thứ 6 số tiền 200.000đ

và lần vay thứ 7 số tiền 400.000đ. Bà P4 đã góp xong tất cả gói vay. Số tiền lãi hợp pháp đã trả là 547.945đ, số tiền thu lợi bất chính: 12.052.055đ.

39. Ông Nguyễn Ngọc T13 (SN: 1996; trú: K25/25/9 đường H, P . X, Q . T, TP.Đà Nẵng): Âu giúp sức cho C làm thủ tục cho ông T13 vay 01 lần vào ngày 25/3/2024, vay số tiền 5.000.000đ, góp trong 25 ngày, mỗi ngày góp 200.000đ, với mức lãi suất 438%/năm, trong đó thu trước tiền lãi là 1.500.000đ và 02 ngày góp là 400.000đ. Số tiền lãi hợp pháp đã trả là 68.493đ, số tiền thu lợi bất chính: 1.431.507đ.

Với nội dung trên, tại bản cáo trạng số: 133/CT-VKS-NHS ngày 28/11/2024 của Viện kiểm sát nhân dân quận Ngũ Hành Sơn, TP . thì các bị cáo Vũ Đức C, Nguyễn Đắc C1, Ngô Quang Â và Nguyễn Thị Minh T bị truy tố về tội: *"Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự"* theo khoản 2 Điều 201 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên toà, đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Ngũ Hành Sơn TP. Đà Nẵng thực hành quyền công tố nhà nước vẫn giữ nguyên quan điểm đã truy tố các bị cáo về tội danh như đã nói trên và đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng: Khoản 2 Điều 201; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 58, Điều 38 Bộ luật hình sự, xử phạt Vũ Đức C từ 09 đến 12 tháng tù.

Áp dụng: Khoản 2 Điều 201; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 58; Điều 65 Bộ luật hình sự, xử phạt Nguyễn Thị Minh T từ 09 đến 12 tháng tù. Nhưng cho hưởng án treo.

Áp dụng: Khoản 2 Điều 201; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 58; Điều 38 Bộ luật hình sự, xử phạt Nguyễn Đắc C1 từ 07 đến 09 tháng tù.

Áp dụng: Khoản 2 Điều 201; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 58; Điều 38 Bộ luật hình sự, xử phạt Ngô Quang Â từ 07 đến 09 tháng tù.

*** Xử lý vật chứng:**

- Đối với xe mô tô nhãn hiệu AirBlade, BKS: 43D1-759.11 và toàn bộ các giấy tờ cá nhân của những người vay, Cơ quan CSĐT Công an quận N đã trả lại cho các chủ sở hữu là có căn cứ.

- Đối với 01 hợp đồng mua bán trả góp, ghi ngày 15/6/2024 có chữ ký bên mua trả góp là Trần Mạnh T16; 01 CCCD và 01 GPLX mang tên Trần Mạnh T16, do chưa làm việc được với anh T16 nên tiếp tục tạm giữ tại Cơ quan CSĐT Công an quận N để điều tra, làm rõ;

- Đối với: 01 điện thoại di động nhãn hiệu iPhone 11 màu đen, gắn sim số 0763.153.816; 01 điện thoại di động nhãn hiệu iPhone 8 Plus màu trắng, gắn sim số 0787.403.089; 01 điện thoại di động nhãn hiệu iPhone 11 Pro màu xanh, gắn sim số 0362.499.386; 01 điện thoại di động nhãn hiệu iPhone 11 Pro Max màu vàng, gắn sim số 0942.222.285; 01 điện thoại di động nhãn hiệu iPhone XR màu xanh đen, không gắn sim; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Oppo Reno 2F; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Oppo F9 Pro; 01 điện thoại di động nhãn hiệu iPhone 12 Pro Max, gắn sim số 0916.885.692 đề nghị

tuyên tịch thu sung vào ngân sách nhà nước đối với các điện thoại và tiêu hủy đối với các sim thiện thoại.

- Đối với 10 hợp đồng mua bán xe máy, xe mô tô (không có nội dung), có chữ ký của Ngô Quang Â; 01 hợp đồng mua bán trả góp (chưa có thông tin), có chữ ký của Nguyễn Đắc C1 là vật chứng của vụ án, đề nghị tiếp tục lưu giữ theo hồ sơ vụ án.

- Đối với 01 tập hồ sơ ghi “tháng 5/2024”; 01 tập hồ sơ ghi “tháng 6/2024”, đề nghị tuyên tịch thu tiêu hủy.

Đối với số tiền 223.011.000đ của Vũ Đức C5 và Nguyễn Thị Minh T đề nghị tuyên tịch thu quy trừ để đảm bảo thi hành án.

*** Biện pháp tư pháp:**

- Đề nghị, tuyên truy thu sung công quỹ Nhà nước của Vũ Đức C số tiền gốc mà người vay đã trả cho C: 661.160.000đ (sáu trăm sáu mươi một triệu, một trăm sáu mươi nghìn đồng).

- Đề nghị tuyên buộc Vũ Đức C và Nguyễn Thị Minh T có trách nhiệm liên đới nộp sung công quỹ Nhà nước, tổng số tiền: 160.229.315đ, (một trăm sáu mươi triệu, hai trăm hai mươi chín nghìn, ba trăm mười lăm đồng); cụ thể:

+ Số tiền lãi tương ứng mức lãi suất cao nhất theo quy định của Bộ luật Dân sự đã thu của người vay: 10.002.740đ.

+ Số tiền lãi vượt quá mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật Dân sự mà C đã thu của 33 người vay: 148.946.575đ.

+ Số tiền phí phạt chậm thanh toán mà C đã thu của 04 người vay: 1.280.000đ;

+ Đề nghị tuyên buộc với những người vay chưa trả tiền gốc cho C phải nộp tổng cộng: 67.840.000đ. Trong đó: ông Trần Quốc L1 số tiền 3.000.000đ; ông Trần Viết S số tiền 1.440.000đ; ông Huỳnh Đức H2 số tiền 1.200.000đ; bà Trần Mỹ U số tiền 800.000đ; ông Võ Văn H3 số tiền 320.000đ; bà Phan Thị Mỹ H4 số tiền 3.360.000đ; ông Nguyễn Tuấn A số tiền 6.440.000đ; bà Nguyễn Ngọc Q số tiền 3.680.000đ; bà Lê Thị Thúy K số tiền 840.000đ; ông Nguyễn Ngọc Đ số tiền 6.000.000đ; ông Trần Quốc T5 số tiền 3.400.000đ; ông Sử Hoài G số tiền 6.800.000đ; ông Lê Thành T6 số tiền 3.000.000đ; ông Nguyễn Xuân P1 số tiền 3.600.000đ; ông Trần Đình P2 số tiền 2.000.000đ; ông Mai Văn C3 số tiền 3.360.000đ; ông Đặng K1 số tiền 3.000.000đ; ông Nguyễn Minh H5 số tiền 6.400.000đ; bà Hồ Thị H6 số tiền 1.400.000đ; ông Võ Trịnh Duy P3 số tiền 2.000.000đ; bà Lê Diệu Minh T9 số tiền 800.000đ; ông Mai Quang H7 số tiền 2.000.000đ; bà Phạm Nguyên Bảo N1 số tiền 2.400.000đ và ông Phan Bá T11 số tiền 600.000đ.

- Đề nghị tuyên buộc Vũ Đức C và Nguyễn Thị Minh T có trách nhiệm liên đới bồi thường số tiền thu lợi bất chính đã thu của 06 người vay (do người vay có yêu cầu nhận lại) tổng số tiền 61.450.685đ, cụ thể: ông Trần Viết S số tiền 8.302.740đ; bà Trần Mỹ U số tiền

10.020.548đ; bà Trần Mỹ Duyên S2 tiền 8.589.041đ; bà Phạm Nguyễn Bảo N2 số tiền 8.589.041đ; anh Phan Bá T11 số tiền 13.897.260đ và ông Nguyễn Thị Hoài P4 số tiền 12.052.055đ.

- Đề nghị tuyên tịch thu, sung công quỹ Nhà nước số tiền C đã trả công cho C3 72.000.000đ; Âu 62.200.000đ và T16 2.000.000đ.

Các bị cáo nói lời nói sau cùng: Xin HĐXX giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

[1] Về tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố xét xử: Trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử, các Cơ quan tiến hành tố tụng và những người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự và những người tham gia tố tụng không có ý kiến khiếu nại gì nên HĐXX không xem xét.

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

Từ tháng 6/2023 đến ngày 17/6/2024, trên địa bàn quận N và các quận khác thuộc TP ., Vũ Đức C với sự giúp sức của Nguyễn Đắc C1, Nguyễn Thị Minh T và Ngô Quang A đã thực hiện hành vi cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự với mức lãi suất từ 417,14%/năm đến 486,67%/năm (gấp 20,86 lần đến 24,33 lần của mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật Dân sự là 20%/năm) đối với 39 người vay, thu lợi bất chính số tiền 211.677.260đ, trong đó: Nguyễn Đắc C1 giúp C cho 22 người vay, thu lợi bất chính số tiền 125.802.054đ; Nguyễn Thị Minh T giúp C cho 22 người vay, thu lợi bất chính số tiền 120.365.069đ và Ngô Quang A giúp C cho 22 người vay, thu lợi bất chính số tiền 105.866.301đ.

[2] Xét tính chất hành vi phạm tội của các bị cáo thì thấy:

Hành vi của các bị cáo đã xâm phạm đến khách thể là trật tự quản lý tài chính của nhà nước được pháp luật bảo vệ nên Viện kiểm sát nhân dân quận Ngũ Hành Sơn đã truy tố các bị cáo về tội: “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự” theo khoản 2 Điều 201 Bộ luật Hình sự là đúng người, đúng tội và có căn cứ pháp luật.

Mặc dù các bị cáo biết rõ hành vi cho vay lãi nặng là vi phạm pháp luật nhưng các bị cáo vẫn ý thực hiện. Do đó, cần xử phạt các bị cáo một mức hình phạt tưng xứng với mức độ hành vi mà các bị cáo đã gây ra mới có tác dụng giáo dục đối với các bị cáo. Trong vụ án này, Vũ Đức C là người giữ vai trò chủ chốt, lôi kéo các bị cáo khác vào hoạt động cho vay nặng lãi nên cần áp dụng thêm khoản 3 Điều 201 BLHS xử phạt bổ sung bị cáo Vũ Đức C 30.000.000đ để tăng thêm tính răn đe đối với bị cáo.

[3] Xét vai trò và nhân thân của từng bị cáo trong vụ án thì thấy:

Bị cáo Vũ Đức C là người giữ vai trò chủ chốt trong vụ án, đã thuê Nguyễn Đắc C1, Ngô Quang A để phục vụ việc cho vay lãi nặng cho 39 khách vay, với số tiền thu lợi bất chính 211.677.000đ. Hội đồng xét xử xét thấy cần xử phạt bị cáo một mức hình phạt nghiêm

khắc, tương xứng với hành vi phạm tội mà bị cáo đã gây ra, tiếp tục cách ly bị cáo ra ngoài xã hội một thời gian mới có tác dụng giáo dục đối với bị cáo và răn đe trong toàn xã hội.

Đối với bị cáo Nguyễn Đắc C1, Ngô Quang Â và Nguyễn Thị Minh T là những người giúp sức cho Vũ Đức C thực hiện hành vi cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự với mức lãi suất từ 417,14%/năm đến 486,67%/năm đối với 39 người vay, thu lợi bất chính số tiền 211.677.260đ, trong đó: Nguyễn Đắc C1 giúp C cho 22 người vay, thu lợi bất chính số tiền 125.802.054đ; Nguyễn Thị Minh T giúp C cho 22 người vay, thu lợi bất chính số tiền 120.365.069đ và Ngô Quang Â giúp C cho 22 người vay, thu lợi bất chính số tiền 105.866.301đ. Do đó, cũng cần xử phạt các bị cáo một mức hình phạt tương xứng với mức độ hành vi mà các bị cáo đã góp phần gây ra.

Song xét thấy, hoạt động của các bị cáo tuy có gây ra những hệ lụy nhất định cho xã hội, song xét bản chất các giao dịch cũng dựa trên sự tự nguyện của những người vay; các bị cáo có nhân thân tốt, phạm tội thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, tại phiên tòa các bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; Bị cáo Chung, C1 đã hoàn thành nghĩa vụ quân sự, bị cáo Â có ông nội là người có công Cách mạng, bị cáo T có 02 con còn nhỏ đó là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại các điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự, Hội đồng xét xử xét thấy cần áp dụng để giảm nhẹ cho bị cáo một phần hình phạt mà lẽ ra bị cáo phải chịu.

Riêng đối với bị cáo Nguyễn Đắc C1 và Ngô Quang Â, thời hạn tạm giam của bị cáo đến nay đã 06 tháng 21 ngày cũng đã đủ sức răn đe đối với các bị cáo nên xét thấy không cần thiết phải tiếp tục cách ly đối với bản thân các bị cáo mà cần áp dụng khoản 5 Điều 328 Bộ luật tố tụng hình sự tuyên trả tự do ngay cho bị cáo tại phiên tòa nên bị cáo không bị tạm giam ở một tội phạm khác, thể hiện sự khoan hồng của pháp luật đối với bản thân các bị cáo là thỏa đáng.

Đối với bị cáo Nguyễn Thị Minh T là vợ của Vũ Đức C, trong vụ án này vai trò của bị cáo là giúp sức cho chồng mình trong hoạt động cho vay đã vi phạm pháp luật nhưng bị cáo 02 con còn nhỏ và chồng đang chấp hành hình phạt tù tại trại giam trong vụ án này, nên xét thấy không cần thiết phải cách ly bị cáo ra ngoài xã hội mà cần áp dụng Điều 65 của bộ luật hình sự tạo điều kiện cho bị cáo được cải tạo tại địa phương để bị cáo có thời gian chăm sóc gia đình và giáo dục các con, thể hiện sự khoan hồng của nhà nước và tính nhân văn của pháp luật đối với bản thân bị cáo cũng là thỏa đáng.

Đối với Trần Huy T14 có 01 lần tham gia giúp sức cho C thực hiện hoạt động cho vay lãi nặng đối với ông Mai Văn C3 (người vay thứ 23) nhưng chưa đến mức truy cứu trách nhiệm nên Cơ quan CSĐT Công an quận N xử phạt hành chính là có căn cứ;

Đối với anh Nguyễn Quang T15 là chủ sở hữu 03 tài khoản ngân hàng STK 810001060002629 B1; STK 943326592 VIB và STK 19037247223012 T20; bà Trần Lan H1 (SN: 1970; chỗ ở: Liên Bang N) là chủ sở hữu STK 1300101047338 MSB; STK 1037377509 V1 và bà Vũ Thị P6 là chủ STK 19039889540014 T20 không biết việc C sử

dụng các tài khoản ngân hàng này để thực hiện hành vi phạm tội nên Cơ quan CSĐT Công an quận N không xử lý là có căn cứ.

Đối với anh Nguyễn Văn P5 là chủ sở hữu của xe mô tô nhãn hiệu AirBlade, BKS: 43D1-759.11, không biết việc Nguyễn Đắc C1 sử dụng để thực hiện hành vi phạm tội nên Cơ quan CSĐT Công an quận N không xử lý là có căn cứ.

[4] Về vật chứng:

- Đối với xe mô tô nhãn hiệu AirBlade, BKS: 43D1-759.11 và toàn bộ các giấy tờ cá nhân của những người vay, Cơ quan CSĐT Công an quận N đã trả lại cho các chủ sở hữu là có căn cứ.

- Đối với 01 hợp đồng mua bán trả góp, ghi ngày 15/6/2024 có chữ ký bên mua trả góp là Trần Mạnh T16; 01 CCCD và 01 GPLX mang tên Trần Mạnh T16, do chưa làm việc được với anh T16 nên tiếp tục tạm giữ tại Cơ quan CSĐT Công an quận N để điều tra, làm rõ nên không đề cập ở vụ án này.

- Đối với: 01 điện thoại di động nhãn hiệu iPhone 11 màu đen, gắn sim số 0763.153.816; 01 điện thoại di động nhãn hiệu iPhone 8 Plus màu trắng, gắn sim số 0787.403.089; 01 điện thoại di động nhãn hiệu iPhone 11 Pro màu xanh, gắn sim số 0362.499.386; 01 điện thoại di động nhãn hiệu iPhone 11 Pro Max màu vàng, gắn sim số 0942.222.285; 01 điện thoại di động nhãn hiệu iPhone XR màu xanh đen, không gắn sim; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Oppo Reno 2F; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Oppo F9 Pro; 01 điện thoại di động nhãn hiệu iPhone 12 Pro Max, gắn sim số 0916.885.692 xét thấy cần tuyên tịch thu sung vào ngân sách nhà nước đối với các điện thoại và tiêu hủy đối với các sim thiện thoại là đúng với quy định của pháp luật.

- Đối với 10 hợp đồng mua bán xe máy, xe mô tô (không có nội dung), có chữ ký của Ngô Quang A; 01 hợp đồng mua bán trả góp (chưa có thông tin), có chữ ký của Nguyễn Đắc C1, 01 tập hồ sơ ghi “tháng 5/2024”; 01 tập hồ sơ ghi “tháng 6/2024” cần tiếp tục lưu giữ theo hồ sơ vụ án.

- Đối với võ bì hồ sơ ghi “tháng 5/2024”; võ hồ sơ ghi “tháng 6/2024”, cần tuyên tịch thu tiêu hủy.

+ Đối với số tiền 221.611.000đ của Vũ Đức C5 và Nguyễn Thị Minh T xét thấy cần tuyên tiếp tục quy trừ để đảm bảo thi hành án.

[5] Biện pháp tư pháp:

- Xét thấy cần tuyên truy thu sung công quỹ Nhà nước của Vũ Đức C số tiền gốc mà người vay đã trả cho C: 661.160.000đ (sáu trăm sáu mươi một triệu, một trăm sáu mươi nghìn đồng).

- Xét thấy cần tuyên buộc Vũ Đức C và Nguyễn Thị Minh T có trách nhiệm liên đới nộp sung công quỹ Nhà nước, tổng số tiền: 160.229.315đ, (một trăm sáu mươi triệu, hai trăm hai mươi chín nghìn, ba trăm mười lăm đồng); cụ thể:

+ Số tiền lãi tương ứng mức lãi suất cao nhất theo quy định của Bộ luật Dân sự đã thu của người vay: 10.002.740đ.

+ Số tiền lãi vượt quá mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật Dân sự mà C đã thu của 33 người vay: 148.946.575đ.

+ Số tiền phí phạt chậm thanh toán mà C đã thu của 04 người vay: 1.280.000đ;

- Cần tuyên buộc Vũ Đức C và Nguyễn Thị Minh T có trách nhiệm liên đới trả lại số tiền 61.450.685đ, đây là tiền thu lợi bất chính đã thu của 06 người vay (do người vay có yêu cầu nhận lại),

Cụ thể:

- Trả cho ông Trần Viết S số tiền 8.302.740đ;

- Trả cho bà Trần Mỹ U số tiền 10.020.548đ;

- Trả cho Trần Mỹ Duyên số tiền 8.589.041đ;

- Trả cho bà Phạm Nguyễn Bảo N2 số tiền 8.589.041đ;

- Trả cho ông Phan Bá T11 số tiền 13.897.260đ

- Trả cho bà Nguyễn Thị Hoài P4 số tiền 12.052.055đ.

+ Xét thấy cần tuyên truy thu số tiền những người vay chưa trả tiền gốc cho C để sung vào ngân sách nhà nước, tổng cộng: 67.840.000đ. Trong đó:

- Truy thu của ông Trần Quốc L1 3.000.000đ (ba triệu đồng);

- Truy thu của ông Trần Viết S 1.440.000đ (một triệu, bốn trăm bốn mươi nghìn đồng);

- Truy thu của ông Huỳnh Đức H2 1.200.000đ (một triệu, hai trăm nghìn đồng);

- Truy thu của bà Trần Mỹ U 800.000đ (tám triệu đồng);

- Truy thu của ông Võ Văn H3 320.000đ (ba trăm hai mươi nghìn đồng);

- Truy thu của bà Phan Thị Mỹ H4 3.360.000đ (ba triệu, ba trăm sáu mươi nghìn đồng);

- Truy thu của ông Nguyễn Tuấn A 6.440.000đ; (sáu triệu, bốn trăm bốn mươi nghìn đồng);

- Truy thu của bà Nguyễn Ngọc Q 3.680.000đ (ba triệu, sáu trăm tám mươi nghìn đồng);

- Truy thu của bà Lê Thị Thúy K 840.000đ (tám trăm bốn mươi nghìn đồng);

- Truy thu của ông Nguyễn Ngọc Đ 6.000.000đ (sáu triệu đồng);

- Truy thu của ông Trần Quốc T5 3.400.000đ (ba triệu, bốn trăm nghìn đồng);

- Truy thu của ông Sử Hoài G 6.800.000đ (sáu triệu, tám trăm nghìn đồng);
- Truy thu của ông Lê Thành T6 3.000.000đ (ba triệu đồng) ;
- Truy thu của ông Nguyễn Xuân P1 3.600.000đ (ba triệu, sáu trăm nghìn đồng);
- Truy thu của ông Trần Đình P2 2.000.000đ (hai triệu đồng);
- Truy thu của ông Mai Văn C3 3.360.000đ (ba triệu, ba trăm sáu mươi nghìn đồng);
- Truy thu của ông Đặng Kiệt 3 (ba triệu đồng);
- Truy thu của ông Nguyễn Minh H5 6.400.000đ (sáu triệu, bốn trăm nghìn đồng);
- Truy thu của bà Hồ Thị H6 1.400.000đ (một triệu, bốn trăm nghìn đồng);
- Truy thu của ông Võ Trịnh Duy P3 2.000.000đ; (hai triệu đồng);
- Truy thu của bà Lê Diệu Minh T9 800.000đ (tám trăm nghìn đồng);
- Truy thu của ông Mai Quang H7 2.000.000đ (hai triệu đồng);
- Truy thu của bà Phạm Nguyên Bảo N1 2.400.000đ (hai triệu, bốn trăm nghìn đồng);
- Truy thu của ông Phan Bá T11 600.000đ (sáu triệu đồng).

+ Đối với số tiền C đã trả công cho C3, A và T16; X thấy, đây là số tiền công do hoạt động vi phạm pháp luật mà có nên cần tuyên truy thu để sung vào ngân sách nhà nước: Nguyễn Đắc C1 72.000.000đ; Ngô Quang A 62.200.000đ và Trần Huy T14 2.000.000đ.

[6] Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

[1] Tuyên bố: Các bị cáo Vũ Đức C, Nguyễn Đắc C1, Ngô Quang A, Nguyễn Thị Minh T, phạm tội: "*Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự*".

- Căn cứ: Khoản 2 Điều 201; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 58, Điều 38 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt: Bị cáo Vũ Đức C 09 (chín) tháng tù, thời gian phạt tù tính từ ngày 17/6/2024.

Hình phạt bổ sung: Căn cứ khoản 3 Điều 201 BLHS, xử phạt bị cáo Vũ Đức C 30.000.000đ (ba mươi triệu đồng).

- Căn cứ: Khoản 2 Điều 201; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 58 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Đắc C1 06 (sáu) tháng, 21 ngày tù. thời gian phạt tù tính từ ngày 17/6/2024. Bị cáo đã chấp hành xong.

- Căn cứ khoản 5 Điều 328 Bộ luật tố tụng hình sự, tuyên trả tự do cho bị cáo tại phiên toà nếu bị cáo không bị tạm giam về một tội phạm khác.

Căn cứ: Khoản 2 Điều 201; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 58 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt: Bị cáo Ngô Quang Â 06 (sáu) tháng 21 ngày tù. thời gian phạt tù tính từ ngày 17/6/2024. Bị cáo đã chấp hành xong.

- Căn cứ khoản 5 Điều 328 Bộ luật tố tụng hình sự, tuyên trả tự do cho bị cáo tại phiên toà nếu bị cáo không bị tạm giam về một tội phạm khác.

- Căn cứ: Khoản 2 Điều 201; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 58; Điều 65 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Thị Minh T 09 (chín) tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 18 tháng kể từ ngày tuyên án.

Giao bị cáo về Ủy ban nhân dân phường M, quận N, TP . giám sát giáo dục trong suốt thời gian thử thách.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật Thi hành án hình sự 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án cho hưởng án treo.

[2] Về vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự, Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự:

- Tuyên tịch thu tiêu hủy: Sim số 0763.153.816; sim số 0787.403.089; sim số 0362.499.386; sim số 0942.222.285; sim số 0916.885.692; vỏ bì hồ sơ ghi “tháng 5/2024”; vỏ bì hồ sơ ghi “tháng 6/2024”.

- Tuyên tịch thu sung vào ngân sách nhà nước: 01 điện thoại di động nhãn hiệu iPhone 11 màu đen; 01 điện thoại di động nhãn hiệu iPhone 8 Plus màu trắng; 01 điện thoại di động nhãn hiệu iPhone 11 Pro màu xanh; 01 điện thoại di động nhãn hiệu iPhone 11 Pro Max màu vàng; 01 điện thoại di động nhãn hiệu iPhone XR màu xanh đen; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Oppo Reno 2F; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Oppo F9 Pro; 01 điện thoại di động nhãn hiệu iPhone 12 Pro Max.

- T18 tiếp tục quy trừ số tiền 223.011.000đ (hai trăm hai mươi ba triệu, không trăm mười một nghìn đồng) của Vũ Đắc C5 và Nguyễn Thị Minh T để đảm bảo thi hành án.

(Vật chứng trên hiện đang được lưu giữ tại Chi cục thi hành án dân sự quận Ngũ Hành Sơn, theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 06/01/2025 và ủy nhiệm chỉ ngày 06/01/2025 của kho bạc nhà nước quận N, TP Đà Nẵng).

[3] Biện pháp tư pháp:

- ***Tuyên truy thu sung công quỹ Nhà nước của Vũ Đức C:*** 661.160.000đ (sáu trăm sáu mươi một triệu, một trăm sáu mươi nghìn đồng). Đây là số tiền gốc mà người vay đã trả cho C.

- ***Buộc Vũ Đức C và Nguyễn Thị Minh T có trách nhiệm liên đới nộp sung công quỹ Nhà nước, tổng số tiền: 160.229.315đ*** (một trăm sáu mươi triệu, hai trăm hai mươi chín nghìn, ba trăm mười lăm đồng)

Cụ thể:

+ Số tiền lãi tương ứng mức lãi suất cao nhất theo quy định của Bộ luật Dân sự đã thu của người vay: 10.002.740đ.

+ Số tiền lãi vượt quá mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật Dân sự mà C đã thu của 33 người vay: 148.946.575đ.

+ Số tiền phí phạt chậm thanh toán mà C đã thu của 04 người vay: 1.280.000đ.

- ***Tuyên buộc Vũ Đức C và Nguyễn Thị Minh T liên đới trả lại số tiền thu lợi bất chính đã thu của 06 người vay 61.450.685đ*** (sáu mươi một triệu, bốn trăm năm mươi triệu, sáu trăm tám mươi lăm nghìn đồng)

Cụ thể:

- Trả cho ông Trần Viết S 8.302.740đ (tám triệu, ba trăm linh hai nghìn, bảy trăm bốn mươi hai đồng);

- Trả cho bà Trần Mỹ U 10.020.548đ (mười triệu, không trăm hai mươi nghìn, năm trăm bốn mươi tám đồng);

- Trả cho Trần Mỹ D 8.589.041đ (tám triệu, năm trăm tám mươi chín nghìn, không trăm mười bốn đồng);

- Trả cho bà Phạm Nguyễn Bảo N2 8.589.041đ (tám triệu, năm trăm tám mươi chín nghìn, không trăm mười bốn đồng);

- Trả cho ông Phan Bá T11 13.897.260đ (mười ba triệu, tám trăm chín mươi bảy nghìn, hai trăm sáu mươi đồng);

- Trả cho bà Nguyễn Thị Hoài P4 12.052.055đ (mười hai triệu, không trăm năm mươi hai nghìn, không trăm năm mươi lăm đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

+ ***Tuyên truy để sung vào ngân sách nhà nước:***

- Nguyễn Đắc C1: 72.000.000đ (bảy mươi hai triệu đồng);
- Ngô Quang Â: 62.200.000đ (sáu mươi hai triệu, hai trăm nghìn đồng)
- Trần Huy T14: 2.000.000đ (hai triệu đồng).

+ ***Tuyên truy thu số tiền những người vay chưa trả tiền gốc cho C, tổng cộng: 67.840.000đ (sáu mươi bảy triệu, tám trăm bốn mươi nghìn đồng), Trong đó:***

- Truy thu của ông Trần Quốc L1 3.000.000đ (ba triệu đồng);
- Truy thu của ông Trần Viết S 1.440.000đ (một triệu, bốn trăm bốn mươi nghìn đồng);
- Truy thu của ông Huỳnh Đức H2 1.200.000đ (một triệu, hai trăm nghìn đồng);
- Truy thu của bà Trần Mỹ U 800.000đ (tám triệu đồng);
- Truy thu của ông Võ Văn H3 320.000đ (ba trăm hai mươi nghìn đồng);
- Truy thu của bà Phan Thị Mỹ H4 3.360.000đ (ba triệu, ba trăm sáu mươi nghìn đồng);
- Truy thu của ông Nguyễn Tuấn A 6.440.000đ; (sáu triệu, bốn trăm bốn mươi nghìn đồng);
- Truy thu của bà Nguyễn Ngọc Q 3.680.000đ (ba triệu, sáu trăm tám mươi nghìn đồng);
- Truy thu của bà Lê Thị Thúy K 840.000đ (tám trăm bốn mươi nghìn đồng);
- Truy thu của ông Nguyễn Ngọc Đ 6.000.000đ (sáu triệu đồng);
- Truy thu của ông Trần Quốc T5 3.400.000đ (ba triệu, bốn trăm nghìn đồng);
- Truy thu của ông Sử Hoài G 6.800.000đ (sáu triệu, tám trăm nghìn đồng);
- Truy thu của ông Lê Thành T6 3.000.000đ (ba triệu đồng) ;
- Truy thu của ông Nguyễn Xuân P1 3.600.000đ (ba triệu, sáu trăm nghìn đồng);
- Truy thu của ông Trần Đình P2 2.000.000đ (hai triệu đồng);
- Truy thu của ông Mai Văn C3 3.360.000đ (ba triệu, ba trăm sáu mươi nghìn đồng);
- Truy thu của ông Đặng Kiệt 3 (ba triệu đồng);
- Truy thu của ông Nguyễn Minh H5 6.400.000đ (sáu triệu, bốn trăm nghìn đồng);
- Truy thu của bà Hồ Thị H6 1.400.000đ (một triệu, bốn trăm nghìn đồng);
- Truy thu của ông Võ Trịnh Duy P3 2.000.000đ; (hai triệu đồng);
- Truy thu của bà Lê Diệu Minh T9 800.000đ (tám trăm nghìn đồng);
- Truy thu của ông Mai Quang H7 2.000.000đ (hai triệu đồng);

- Truy thu của bà Phạm Nguyên Bảo N1 2.400.000đ (hai triệu, bốn trăm nghìn đồng);
- Truy thu của ông Phan Bá T11 600.000đ (sáu triệu đồng).

[4] Về án phí: Áp dụng Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Buộc các bị cáo Vũ Đức C, Nguyễn Đắc C1, Ngô Quang Â và bị cáo Nguyễn Thị Minh T, mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ án phí Hình sự sơ thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 luật Thi hành án dân sự.

Án xử công khai sơ thẩm, báo cho người tham gia tố tụng có mặt tại phiên tòa biết, có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Riêng những người tham gia tố tụng vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao án hợp lệ.

Nơi nhân:

- VKSND quận NHS;
- VKSND TP. Đà Nẵng;
- Công an quận NHS;
- Chi cục THADS quận NHS;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Công Hoan

